TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUỶ NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 13/2025/DS-ST Ngày: 18 – 4 - 2025 V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thuý Mở

Ông Phạm Văn Sóng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Minh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủy Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuân - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2025/QĐST-DS, ngày 28 tháng 03 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP V (tên viết tắt VPBank); địa chỉ trụ sở chính: Số 89 L, phường L, quận Đ, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị VPBank.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Trần Thị Thu H – Chuyên viên xử lý nợ (Văn bản uỷ quyền số 157/2024/UQ –LCC – KHCNMB2, ngày 30/7/2024). Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Xuân Trung; nơi cư trú: Tổ dân phố 01, khu vực T, phường D, thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 7 năm 2024 và Bạn tự khai tại Tòa án, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V, do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Anh Nguyễn Xuân Tcó vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần V theo hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và các văn bản tín dụng sau:

Khoản vay theo Hợp đồng cho vay số LN2207086180121 ngày 04/8/2022 cụ thể: Số tiền gốc ban đầu vay là: 400.800.000 đồng; thời hạn vay là 84 tháng; mục đích vay là sử dụng vốn: Thanh toán tiền mua xe ô tô Huyndai – Accent, 1.4L.AT sản xuất mới 100%; các kỳ trả nợ, lãi suất cho vay được quy định cụ thể trong hợp đồng tín dụng đã ký kết. Khoản vay theo Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử số 30518 ngày 04/8/2022 với hạn mức đề nghị là 10.000.000 đồng.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay nêu trên là 01 xe ô tô nhãn hiệu Huyndai, số loại ACCENT, số khung RLUAC41BBNN080595; số máy G4LCNU651924; Biển kiểm soát 15E - 007.60 (Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 15000591 do Công an huyện Thủy Nguyên (nay là thành phố Thuỷ Nguyên), thành phố Hải Phòng cấp ngày 09/8/2022). Tài sản bảo đảm đã thế chấp cho Ngân hàng theo Hợp đồng việc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Hợp đồng thế chấp số LN2207086180121, ngày 04/8/2022.

Quá trình thực hiện hợp đồng anh Nguyễn Xuân Tđã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, tính đến ngày 28/3/2025 anh Nguyễn Xuân Tcòn nợ tổng số tiền gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng tổng **526.455.003 đồng:** Trong đó cụ thể như sau:

Hợp đồng cho vay số LN220708618012, tổng dư nợ gốc lãi là: 501.358.194 đồng. Trong đó nợ gốc là: 367.396.000 đồng; lãi trong hạn: 6.436.854 đồng; lãi quá hạn: 126.282.057 đồng; phạt chậm trả lãi: 1.243.283 đồng.

Thẻ tín dụng số 377 – P – 2074692, tổng dư nợ gốc, lãi là: 25.096.810 đồng; trong đó nợ gốc là: 9.968.187 đồng; lãi quá hạn: 15.128.623 đồng.

Do anh Nguyễn Xuân Tvi phạm nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc bị đơn phải thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP V toàn bộ số nợ gốc lãi nói trên theo nội dung hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và yêu cầu anh Nguyễn Xuân Tphải tiếp tục chịu lãi suất theo nội dung hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ cho đến ngày anh Nguyễn Xuân Tthực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn anh Nguyễn Xuân T đang sinh sống tại tổ dân phố 01, khu vực T, phường D, thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Tòa án đã tiến hành tống đạt trực tiếp Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập;Thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng cho đến phiên toà lần thứ hai anh Nguyễn Xuân Tvẫn không đến Tòa án để trình bày quan điểm và cũng không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tham gia phiên tòa sơ thẩm hôm nay. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện cơ bản đúng, đầy đủ quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán, đã thực hiện đúng và đầy đủ quy định về ra Thông báo thụ lý vụ án, bảo đảm về thời hạn chuẩn bị xét xử, việc lập hồ sơ vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, việc giao nộp và yêu cầu đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ, xác minh, cấp tống đạt và tổ chức phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã đảm bảo tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3, Điều 26, 35, 39, 74, 91, 92, 96, 147 và Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 117, 274, khoản 1 Điều 275, 292, 293, 295, 296, 298, 299, 303, 304, 317, 318, 319, 320, 321, 323, khoản 1, 2 Điều 365; Điều 368, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 99, 100, 102, 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, đề nghị Hội đồng xét, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn anh Nguyễn Xuân Tphải trả toàn bộ khoản nợ gốc, lãi cho Ngân hàng thương mại cổ phần V tính đến ngày xét xử sơ thẩm tổng dự nợ gốc, lãi bằng: **526.455.003 đồng**. Cụ thể:

Hợp đồng tín dụng số LN2207086180121 trong đó: nợ gốc là: 367.396.000 đồng; lãi trong hạn: 6.436.854 đồng; lãi quá hạn: 126.282.057 đồng; phạt chậm trả lãi: 1.243.283 đồng. Tổng gốc, lãi là: 501.358.194 đồng.

Thẻ tín dụng số 377 – P – 2074 trong đó nợ gốc là: 9.968.187 đồng; lãi quá hạn: 15.128.623 đồng. Tổng gốc, lãi là: 25.096.810 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, anh Nguyễn Xuân Tcòn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, Giấy đề nghị giải ngân và Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay

phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay và phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp anh Nguyễn Xuân Tkhông trả hoặc trả không đầy đủ số tiền nói trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần V có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành dân sự có thẩm quyền truy tìm tài sản thế chấp để kê biên phát mại thu hồi nợ cho Ngân hàng, tài sản đã thế chấp là: 01 xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI, số loại ACCENT, số khung: RLUAC41BBNN080595, số máy: G4LCNU651924, biển kiểm soát 15E – 007.60 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 15000591 do Công an huyện Thuỷ Nguyên (nay thành phố Thuỷ Nguyên), thành phố Hải Phòng cấp ngày 09/8/2022 đứng tên chủ sử dụng anh Nguyễn Xuân Trung. Tại Hợp đồng thế chấp số LN2207086180121, ngày 04/8/2022. **526.455.003 đồng**. Cụ thể:

Hợp đồng tín dụng số LN2207086180121 trong đó: nợ gốc là: 367.396.000 đồng; lãi trong hạn: 6.436.854 đồng; lãi quá hạn: 126.282.057 đồng; phạt chậm trả lãi: 1.243.283 đồng. Tổng gốc, lãi là: 501.358.194 đồng.

Thẻ tín dụng số 377 – P – 2074, trong đó nợ gốc là: 9.968.187 đồng; lãi quá hạn: 15.128.623 đồng. Tổng gốc, lãi là: 25.096.810 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, anh Nguyễn Xuân Tcòn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, Giấy đề nghị giải ngân và Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay và phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp anh Nguyễn Xuân Tkhông trả hoặc trả không đầy đủ số tiền nói trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành kê biên phát mại tài sản đã thế chấp là: 01 xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI, số loại ACCENT, số khung: RLUAC41BBNN080595, số máy: G4LCNU651924, biển kiểm soát 15E – 007.60 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 15000591 do Công an huyện Thuỷ Nguyên (nay thành phố Thuỷ Nguyên), thành phố Hải Phòng cấp ngày 09/8/2022 đứng tên chủ sử dụng anh Nguyễn Xuân Trung. Tại Hợp đồng thế chấp số LN2207086180121, ngày 04/8/2022.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm nếu không đủ để trả khoản nợ thì anh Nguyễn Xuân Tphải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng thương

mại cổ phần V. Nếu sau khi xử lý tài sản bảo đảm mà thừa sẽ được trả lại cho anh Nguyễn Xuân Trung.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn anh Nguyễn Xuân Tphải nộp án phí theo quy định của pháp luật, trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

Bị đơn anh Nguyễn Xuân Trung; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại: Tổ dân phố 01, khu vực T, phường D, thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ xác định anh Nguyễn Xuân Tvẫn sinh sống và làm việc bình thường tại địa chỉ nói trên chưa cắt khẩu, chuyển khẩu đi nơi khác. Anh Nguyễn Xuân Tđã ly hôn vợ hiện nay sống cùng bố mẹ đẻ tại địa chỉ nói trên. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Ttheo đúng quy định của pháp luật, song đến ngày mở phiên tòa vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Xuân Ttheo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết

Nguyên đơn, Ngân hàng TMCP V và bị đơn anh Nguyễn Xuân Tký hợp đồng tín dụng để vay số tiền 400.800.000 đồng; mục đích để thanh toán tiền mua xe ô tô, anh Nguyễn Xuân T nay vẫn cư trú tại Tổ dân phố 01, khu vực T, phường D, thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Do vậy, xác định đây là vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng

Căn cứ lời khai của các đương sự trong vụ án, cùng các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án và được xem xét công khai tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét nhận thấy:

Anh Nguyễn Xuân Tcó vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần V theo Hợp đồng cho vay số LN2207086180121 ngày 04/8/2022 cụ thể: Số tiền gốc ban đầu vay là: 400.800.000 đồng; thời hạn vay là 84 tháng; mục đích vay là sử dụng vốn: Thanh toán tiền mua xe ô tô Huyndai – Accent, 1.4L.AT sản xuất mới 100%; các kỳ trả nợ, lãi suất cho vay được quy định cụ thể trong hợp đồng tín dụng đã ký kết. Khoản vay theo Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử

dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử số 30518 ngày 04/8/2022 với hạn mức đề nghị là 10.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng thời gian đầu anh Tthực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nhưng sau đó không thực hiện. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Xuân Tđến Tòa án trình bày quan điểm về việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu thanh toán khoản nợ theo nội dung hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết, tuy nhiên anh Tkhông đến Tòa án trình bày quan điểm và cũng không có bất kỳ, văn bản giấy tờ nào ghi ý kiến gửi đến Tòa án trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, tính đến xét xử sơ thẩm anh Nguyễn Xuân Tcòn nợ Ngân hàng tổng số tiền gốc, lãi bằng: **526.455.003 đồng**. Cụ thể:

Hợp đồng tín dụng số LN2207086180121 trong đó: nợ gốc là: 367.396.000 đồng; lãi trong hạn: 6.436.854 đồng; lãi quá hạn: 126.282.057 đồng; phạt chậm trả lãi: 1.243.283 đồng. Tổng gốc, lãi là: 501.358.194 đồng.

Thẻ tín dụng 377 – P – 2074, trong đó nợ gốc là: 9.968.187 đồng; lãi quá hạn: 15.128.623 đồng. Tổng gốc, lãi là: 25.096.810 đồng.

Hội đồng xét xử, xét tại thời điểm ký kết hợp đồng các bên tham gia ký kết hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự, việc ký kết các hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ; Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng là hoàn toàn tự nguyện, các thỏa thuận có nội dung và mục đích để thực hiện nhu cầu của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội. Trong quá trình thực hiện hợp đồng VPBank đã giải ngân đủ số tiền vay theo hợp đồng tín dụng đã ký, anh Nguyễn Xuân Tđã ký nhận đủ số tiền vay thông qua khế ước nhận nợ. Như vậy VPBank đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, việc anh Tkhông thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả nợ cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ do các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Do vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn anh Nguyễn Xuân phải có trách nhiệm thanh toán trả toàn bộ khoản nợ nói trên là phù hợp quy định tại các Điều 91, 92 và Điều 97 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 99,100, 102, 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 116, 117, 118, 119, 463, 468, 468 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp

Xét, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI, số loại ACCENT, số khung: RLUAC41BBNN080595, số máy: G4LCNU651924, biển kiểm soát 15E – 007.60 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 15000591 do Công an huyện Thuỷ Nguyên (nay thành phố Thuỷ Nguyên), thành phố Hải Phòng cấp ngày 09/8/2022 đứng tên chủ sử dụng anh Nguyễn Xuân Trung. Tại Hợp đồng thế chấp số LN2207086180121, ngày 04/8/2022 đã được đăng ký giao dịch, tài sản tại Ttâm đăng ký giao dịch, tài sản thành phố Đà Nẵng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã

tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp yêu cầu anh Nguyễn Xuân Tmang xe ô tô đến trụ sở Uỷ ban nhân dân phường D nơi cư trú của anh Tđể thực hiện việc xem xét thẩm định xe ô tô là tài sản thế chấp của Ngân hàng, song anh Tkhông chấp hành. Do vậy Toà án đã tiến hành lập biên bản xác định không xem xét thẩm định được tài sản thế chấp và đã ra thông báo yêu cầu vợ anh Tcung cấp rõ hiện nay xe ô tô đang ở đâu nhưng đều không có kết quả, anh Tkhông hợp tác.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Hợp đồng thế chấp được ký kết giữa anh Tvới VPBank là hoàn toàn tự nguyện, đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật, mặt khác trong hợp đồng thế chấp đã nêu rõ nội dung hợp đồng thế chấp và phạm vi bảo đảm là bên thế chấp tự nguyện thế chấp toàn bộ tài sản thuộc quyền sử dụng và quyền sở hữu của mình để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ vay bao gồm: nợ gốc, lãi tiền vay trong hạn, lãi tiền vay quá hạn và các chi phí phát sinh liên quan của số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và Bên vay, do đó hợp đồng thế chấp phát sinh hiệu lực đối với các bên. Vì vậy trường hợp anh Tkhông thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự truy tìm tài sản thế chấp để kê biên, phát mại thu hồi khoản nợ cho Ngân hàng.

Từ những phân tích và nhận định nói trên đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tuyên phát mại tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn anh Nguyễn Xuân Tphải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3, Điều 26, 35, 39, 74, 91, 92, 96, 147 và Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 117, 274, khoản 1 Điều 275, 292, 293, 295, 296, 298, 299, 303, 304, 317, 318, 319, 320, 321, 323, khoản 1, 2 Điều 365; Điều 368, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 99, 100, 102, 103 Luật các tổ chức tín dụng ănm 2024; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, đề nghị Hội đồng xét, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V:

Buộc bị đơn anh Nguyễn Xuân Tphải trả toàn bộ số nợ gốc, lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm tổng cộng là: **526.455.003 đồng**. Cụ thể:

Hợp đồng tín dụng số LN2207086180121 trong đó: nợ gốc là: 367.396.000 đồng; lãi trong hạn: 6.436.854 đồng; lãi quá hạn: 126.282.057 đồng; phạt chậm trả lãi: 1.243.283 đồng. Tổng gốc, lãi là: 501.358.194 đồng.

Thẻ tín dụng số 377 – P – 2074, trong đó nợ gốc là: 9.968.187 đồng; lãi quá hạn: 15.128.623 đồng. Tổng gốc, lãi là: 25.096.810 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, anh Nguyễn Xuân Tcòn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, Giấy đề nghị giải ngân và Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay và phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Trường hợp anh Nguyễn Xuân Tkhông trả hoặc trả không đầy đủ số tiền nói trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần V có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền truy tìm tài sản thế chấp để kê biên, phát mại thu hồi khoản nợ, tài sản thế chấp là: 01 xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI, số loại ACCENT, số khung: RLUAC41BBNN080595, số máy: G4LCNU651924, biển kiểm soát 15E – 007.60 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 15000591 do Công an huyện Thuỷ Nguyên (nay thành phố Thuỷ Nguyên), thành phố Hải Phòng cấp ngày 09/8/2022 đứng tên chủ sử dụng anh Nguyễn Xuân T(Tại Hợp đồng thế chấp số LN2207086180121, ngày 04/8/2022).

3. Trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm nếu không đủ để trả khoản nợ thì anh Nguyễn Xuân Tphải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần V. Nếu sau khi xử lý tài sản bảo đảm mà thừa sẽ được trả lại cho anh Nguyễn Xuân Trung.

4**.** Về án phí: Bị đơn anh Nguyễn Xuân Tphải nộp án phí dân sự sơ thẩm là: 25.058.200 đồng. Trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 11.600.000 đồng tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010179, ngày 12/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên (nay là thành phố Thuỷ Nguyên), thành phố Hải Phòng.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án

dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thành phố Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS TP Thuỷ Nguyên
- TAND TP Hải Phòng;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Mến

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên
- TAND TP Hải Phòng;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Mến

Mẫu số 51-DS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....**(1)** **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi... giờ...phút, ngày... tháng...năm .....
Tại:(2).....
Với Hội đồng xét xử(3) …….gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà)……..
..... (4)
Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số……./…../……..-……..….(5)
ngày…..tháng…..năm…..về **(**6)…… giữa:
Nguyên đơn .....
Bị đơn .....
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
..... (7
)
Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật(8).

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU*(9)*

.....
.....

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày..... tháng..... năm.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên)	*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 51-DS:

(1) Ghi tên Toà án tiến hành phiên hoà giải và lập biên bản hoà giải thành; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Tương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H). Nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Tương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh, (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân tỉnh H).

(2) Ghi địa điểm nơi tiến hành phiên toà (ví dụ: Tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh N; hoặc: Tại Hội trường Uỷ ban nhân dân huyện S, thành phố H).

(3) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm thì ghi "sơ thẩm"; nếu Hội đồng xét xử phúc thẩm thì ghi "phúc thẩm".

(4) Ghi đầy đủ tên thành viên Hội đồng xét xử.

(5) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu tại cấp sơ thẩm thì ghi "TLST", nếu tại cấp phúc thẩm thì ghi "TLPT"; ô thứ tư nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi "DS"; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi "HNGĐ"; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi "KDTM"; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi "LĐ" (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).

(6) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: "tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân").

(7) Ghi đầy đủ tên của các đương sự tương ứng với tư cách đương sự trong vụ án.

(8) Nếu thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi tập quán, tương tự pháp luật, những nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ, hoặc lẽ công bằng (nếu có).

(9) Ghi các ý kiến thảo luận, biểu quyết và quyết định của Hội đồng xét xử theo từng vấn đề của vụ án, nếu có ý kiến khác thì ghi rõ ý kiến của thành viên Hội đồng xét xử có ý kiến khác.

Mẫu số 52 (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:(2)...../...../.....
Ngày:(3) .....-.....-.....
V/v tranh chấp(4).....

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN (5).....

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:(6)
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà)…….
Thẩm phán: Ông (Bà) .....
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông (Bà).....
2. Ông (Bà).....
3. Ông (Bà).....
- Thư ký phiên tòa: Ông (Bà)……..……(7)
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân(8)..... *tham gia phiên toà:*
Ông (Bà).....-Kiểm sát viên.
Trong các ngày..... tháng..... năm.....(9) tại .....
xét xử sơ thẩm công khai(10) vụ án thụ lý số:...../...../TLST-.....(11)
ngày..... tháng..... năm..... về tranh chấp.....(12)
theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:...../...../QĐXX-ST ngày.....
tháng..... năm..... giữa các đương sự:
1. Nguyên đơn:(13).....
Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:(14) .....
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:(15).....
2. Bị đơn: (16) .....
Người đại diện hợp pháp của bị đơn:(17) .....
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:(18) .....
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có yêu cầu độc lập, tham gia tố tụng với bên nguyên đơn hoặc tham gia tố tụng với bên bị đơn):(19).....
Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:(20) .....
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:(21).....
4. Người làm chứng(22) .....
5. Người giám định:(23).....
6. Người phiên dịch:(24) .....

NỘI DUNG VỤ ÁN: (25)

.....

.....
.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:(26)

[1] .....
[2] .....
[3] .....
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào……(27) .....
(28): .....
..... (29)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 52-DS:

Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Toà án khi xét xử sơ thẩm các tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động.

Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án sơ thẩm kèm theo:

(1) Nếu là Toà án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Toà án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Tương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện Từ Liêm, thành phố H); nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Tương thì ghi Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án, ô thứ ba ghi ký hiệu loại bản án (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về dân sự năm 2017 có số 100 thì ghi: "Số:100/2017/DS-ST"; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình năm 2017 có số 108 thì ghi: "Số:108/2017/HNGĐ-ST"; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về kinh doanh, thương mại năm 2017 có số 110 thì ghi: "Số:110/2017/KDTM-ST"; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về lao động năm 2017 có số 115 thì ghi: "Số:115/2017/LĐ-ST").

(3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.

(4) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: "tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân").

(5) Ghi như hướng dẫn tại điểm (1).

(6) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà, bỏ dòng "Thẩm phán...", đối với Hội thẩm nhân dân chỉ ghi họ tên của hai Hội thẩm nhân dân; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân. Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán; chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân.

(7) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(8) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên toà thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ "Toà án nhân dân" thành "Viện kiểm sát nhân dân".

(9) Trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ "Trong các" (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi "Trong các ngày" (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì

ghi: "Từ ngày đến ngày" (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).
(10) Nếu xét xử kín thì thay cụm từ "công khai" bằng từ "kín".
(11) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi "DS"; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi "HNGĐ"; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi "KDTM"; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi "LĐ" (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).
(12) Ghi như hướng dẫn tại điểm (4).
(13) Nguyên đơn là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên). Nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.
(14) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với nguyên đơn; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: "văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...".
Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).
Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).
(15) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào.
(16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).
(17) và (20) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).
(18) và (21) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15).
(22) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).
(23) Ghi họ tên, chức danh, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).
(24) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).
(25) Trong phần này ghi rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, của cơ quan, tổ chức, cá nhân; yêu cầu phản tố, đề nghị của bị đơn; yêu cầu độc lập, đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ý kiến của Viện kiểm sát; ghi ngắn gọn, đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án; ghi rõ các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất, không thống nhất; đối với các tình tiết của vụ án mà các bên không thống nhất thì phải ghi rõ lý lẽ, lập luận của từng bên đương sự.

(26) Ghi nhận định của Tòa án về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án (về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung). Tòa án phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án; phân tích, viện dẫn những căn cứ pháp luật, án lệ (nếu có) để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu, đề nghị của đương sự; yêu cầu, đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác (nếu có); yêu cầu, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát (nếu có); giải quyết các vấn đề khác có liên quan. Nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tùy từng trường hợp mà Tòa án phân tích, lập luận về việc áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [ ].

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.
(28) Ghi các quyết định của Tòa án về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó. Đối với trường hợp xét xử sơ thẩm lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì ghi vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy; trường hợp có quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự thì phải ghi rõ nội dung về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án.
(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau:

Nơi nhận:
Ghi những nơi mà Toà án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại Điều 269 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
ThẨm phán - ChỦ tỌA phiên toà
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)